

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ DĨ AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 87/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 27-6-2024  
V/v Tranh chấp ly hôn, chia tài sản  
khi ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Hải Nam.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Bùi Thị Thuý Lan;

2. Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thuý An – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và 27 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 58/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023, về việc “Tranh chấp ly hôn, chia tài sản khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 59/2024/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Vũ Bá T, sinh năm 1966; HKTT: Thôn M, xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa. Địa chỉ tạm trú: Số A, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Ông T có mặt.

**- Bị đơn:** Bà Vũ Thị H, sinh năm 1971; HKTT: Thôn M, xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa. Địa chỉ tạm trú: Số A, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Bà H có mặt.

**Người đại diện hợp pháp của bị đơn:** Ông Đậu Đức N, sinh năm 1992; Địa chỉ: Số G N, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương (là đại diện theo Văn bản uỷ quyền ngày 14/3/2023). Ông N có mặt ngày 20/6/2024, vắng mặt ngày 27/6/2024.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Phương Ngọc B, sinh năm 1972, địa chỉ: Số H đường A, Khu phố G, Phường I, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Ông Lê Thanh T1, sinh năm 1982; địa chỉ: Số E L, tổ A khu dân cư Đ, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện nộp ngày 07/02/2023, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn ông Vũ Bá T trình bày:*

Ông T và bà H chung sống với nhau từ năm 1998, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 28/7/1988 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa.

Trong quá trình chung sống, khoảng 3-4 năm trở lại đây vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do tính tình không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung trong gia đình. Đến nay thì mâu thuẫn giữa hai bên xảy ra ngày càng trầm trọng, tình cảm, quan hệ vợ chồng không còn, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay, ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống được nữa nên làm đơn xin ly hôn với bà Vũ Thị H.

Về con chung: Quá trình chung sống ông T và bà H có 02 con chung tên Vũ Thị N1, sinh năm 1989 và Vũ Bá H1, sinh năm 1990. Hiện nay cả N1 và H1 đều đã trưởng thành có gia đình riêng. Do đó, ông T không yêu cầu giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bà H yêu cầu chia tài sản chung là diện tích đất theo đo đạc thực tế là 94,9m<sup>2</sup> trên đất có một nhà ở riêng lẻ loại một tầng diện tích 47,4m<sup>2</sup> và một nhà tạm diện tích 20,25m<sup>2</sup> và một sân gạch đỏ diện tích 27,25m<sup>2</sup>. Tuy nhiên tại phiên tòa bà H xin rút lại yêu cầu này thì ông T không có ý kiến.

Ngoài ra, ông T không có yêu cầu khác, không cung cấp chứng cứ gì thêm.

*\* Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà Vũ Thị H trình bày:*

Bà H thống nhất với trình bày của ông T về quan hệ hôn nhân, con chung. Quá trình chung sống thì vợ chồng chỉ hoà thuận vài tháng đầu, sau đó thì ông T thường xuyên đánh đập bạo hành vợ con, thường xuyên rượu chè từ khi vợ chồng còn ở quê Thanh Hoá cũng như cho đến khi vào Bình Dương sinh sống. Thêm vào đó là gần đây ông T muốn bán nhà chuyển về quê sinh sống luôn, còn bà H thì muốn giữ lại nhà cửa nên không đồng ý bán. Do đó, vợ chồng ông T bà H những năm gần đây mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai.

Trước yêu cầu xin ly hôn của ông T thì bà H xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn vì hiện nay cả hai vợ chồng đều tuổi cao sức

yếu, bà H mong muốn vợ chồng có nơi nương tựa lẫn nhau lúc tuổi già. Đồng thời, bà H mong muốn gia đình hoàn chỉnh để các con yên tâm làm ăn nuôi dạy các cháu nên người.

Về con chung: Quá trình chung sống ông T và bà H có 02 con chung tên Vũ Thị N1, sinh năm 1989 và Vũ Bá H1, sinh năm 1990. Hiện nay cả N1 và H1 đều đã trưởng thành có gia đình riêng. Do đó, bà H không yêu cầu giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án bà H yêu cầu chia tài sản chung là:

+ Phần đất có diện tích 48m<sup>2</sup> (đo thực tế hiện nay là 47,4m<sup>2</sup>), ký hiệu A theo mảnh trích lục địa chính có đo đạc chỉnh lý do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố D, tỉnh Bình Dương ký xác nhận ngày 18/9/2023, thuộc một phần thửa đất số 92, tờ bản đồ số A3.1 trên đất có căn nhà cấp loại 01 tầng, tọa lạc tại: khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

+ Và phần đất liền kề có diện tích 48m<sup>2</sup> (đo thực tế hiện nay là 47,5m<sup>2</sup>), ký hiệu B theo mảnh trích lục địa chính có đo đạc chỉnh lý do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố D, tỉnh Bình Dương ký xác nhận ngày 18/9/2023, thuộc một phần thửa đất số 92, tờ bản đồ số A3.1 trên đất có căn nhà tạm và 01 sân gạch đỏ, tọa lạc tại: khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Tại phiên toà bà H xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bị đơn không có yêu cầu khác, không cung cấp chứng cứ gì thêm.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh T1:*

Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ để yêu cầu ông Lê Thanh T1 cung cấp bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T1 vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng yêu cầu Lê Thanh T1 tham gia phiên tòa vào các ngày 31/5/2024 và ngày 20/6/2024 nhưng ông T1 vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì đối với vụ án, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án. Quá trình xác minh, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T1 hiện đang sinh sống tại địa chỉ: Số E L (quán C), tổ A khu dân cư Đ, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương;

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phương Ngọc B trình bày:*

Vào năm 2011, ông B có mua của ông Lê Thanh T1 diện tích đất 48m<sup>2</sup> tọa lạc tại khu phân lô thuộc khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương với giá 129.600.000 đồng. Ông B mua giấy tờ tay với ông T1, ông B đã giao đủ tiền cho ông T1, ông T1 đã giao đất cho ông B. Ông B mua là đất trống, không có tài sản gì.

Đến năm 2015, do không có nhu cầu sử dụng nên ông B bán lại cho ông T là người hàng xóm sát bên với giá 135.000.000 đồng, hai bên có lập vi bằng về việc giao nhận tiền. Ông T đã giao đủ tiền cho ông B, ông B đã giao đất cho ông T từ năm 2015. Ông B bán cho ông T là đất trống, không có tài sản gì.

Ông Phương Ngọc B xác định đã nhận đủ số tiền chuyển nhượng và bàn giao thửa đất trên cho gia đình ông T nên ông B không có ý kiến, yêu cầu gì trong vụ án.

*\* Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố D cung cấp thông tin tại Văn bản số 529/CNVPĐKĐĐ-KTĐĐ&BD ngày 05/02/2024 như sau:*

Căn cứ Mệnh trích lục địa chính có đo đạc chỉnh lý số 2148-2023 do Chi nhánh xác lập ngày 18/9/2023 cung cấp thông tin, số liệu cho Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An thì diện tích 94,9m<sup>2</sup> (ký hiệu (A) và (B)) thuộc một phần thửa 92, tờ bản đồ số 1(A), thuộc Giấy chứng nhận có số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH04118 ngày 26/7/2012 do U là thành phố D cấp cho ông Lê Thanh T1.

Căn cứ Bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thành phố D được phê duyệt tại Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 05/1/2022 của UBND tỉnh B thì một phần thửa đất nêu trên có diện tích 94,9m<sup>2</sup> thuộc quy hoạch đất ở tại đô thị (ODT).

Căn cứ Nghị quyết 35/NQ-TU ngày 23/12/2014 của Thị ủy D (nay là Thành ủy Dĩ An); Căn cứ Kế hoạch số 1630/KH-UBND ngày 03/07/2023 của UBND thành phố D thì diện tích đất nêu trên thuộc khu phân lô tự phát của ông Lê Thanh T1, số thứ tự 46 theo số liệu Báo cáo số 99/BC-UBND ngày 05/6/2020 của UBND thành phố về việc tổng hợp kết quả rà soát, thống kê các khu điểm nhà ở tự phát trên địa bàn thành phố D và thực hiện chỉnh trang theo các văn bản trên.

Căn cứ Quyết định số 5464/QĐ-UBND ngày 22/11/2023 của UBND thành phố D về việc ban hành danh sách các tuyến đường đủ điều kiện, không đủ điều kiện tách thửa cần thông qua Hội đồng tư vấn giải quyết hồ sơ cá sơ cá biệt thì thửa đất nêu trên không thuộc danh mục các tuyến đường được phép tách thửa trên địa bàn thành phố D.

*\* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương có ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thanh T1 không chấp hành pháp luật tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông B đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng, đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung về thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật là: Ly hôn, tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa nhận thấy mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân

giữa ông T, bà H là trầm trọng, không hàn gắn đoàn tụ được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Bá T. Về con chung đều đã thành niên các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Về tài sản chung: Tại phiên toà bà H xin rút yêu cầu chia tài sản chung việc xin rút yêu cầu là tự nguyện đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Nguyên đơn ông T khởi kiện tranh chấp ly hôn với bị đơn bà Vũ Thị H, sinh năm 1971; Địa chỉ: Số A, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Quá trình giải quyết vụ án bà Vũ Thị H yêu cầu chia tài sản chung là diện tích đất theo đo đạc thực tế là 94,9m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền tọa lạc tại khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Do đó, căn cứ theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương; quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp ly hôn, chia tài sản khi ly hôn”.

[1.2] Tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phương Ngọc B vắng mặt nhưng đã có yêu cầu xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào các ngày 31/5/2024 và ngày 20/6/2024 nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Tại phiên toà bà Vũ Thị H xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung là: Phần đất có diện tích 48m<sup>2</sup> (đo thực tế hiện nay là 47,4m<sup>2</sup> ký hiệu A), thuộc một phần thửa đất số 92, tờ bản đồ số A3.1 trên đất có căn nhà cấp loại 01 tầng trên đất và phần đất liền kề có diện tích 48m<sup>2</sup> (đo thực tế hiện nay là 47,5m<sup>2</sup> ký hiệu B), thuộc một phần thửa đất số 92, tờ bản đồ số A3.1 trên đất có căn nhà tạm và 01 sân gạch đỏ, tọa lạc tại: khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Việc bà H rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 5, 71, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử.

#### **[2] Về nội dung:**

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Ông T và bà H chung sống với nhau từ năm 1998, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận kết hôn số 120 ngày 28/7/1988. Như vậy, hôn nhân giữa ông T và bà H là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận.

Ông T trình bày trong quá trình chung sống, khoảng 3-4 năm trở lại đây vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do tính tình không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung trong gia đình. Đến nay thì mâu thuẫn giữa hai bên xảy ra ngày càng trầm trọng, tình cảm, quan hệ vợ chồng không còn, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay, ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống được nữa nên làm đơn xin ly hôn với bà Vũ Thị H.

Bà H trình bày quá trình chung sống thì vợ chồng chỉ hoà thuận vài tháng đầu, sau đó thì ông T thường xuyên đánh đập bạo hành vợ con, thường xuyên rượu chè từ khi vợ chồng còn ở quê Thanh Hoá cũng như cho đến khi vào Bình Dương sinh sống. Thêm vào đó là gần đây ông T muốn bán nhà chuyển về quê sinh sống luôn, còn bà H thì muốn giữ lại nhà cửa không đồng ý bán. Do đó, vợ chồng ông T bà H những năm gần đây mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Trước yêu cầu xin ly hôn của ông T thì bà H xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn vì hiện nay vì cả hai vợ chồng đều tuổi cao sức yếu, bà H mong muốn có nơi vợ chồng nương tựa lẫn nhau lúc tuổi già. Đồng thời, bà H mong muốn gia đình hoàn chỉnh để các con yên tâm làm ăn nuôi dạy các cháu nên người.

Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích, vợ chồng phải quan tâm, quý trọng, thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Tuy nhiên, cả nguyên đơn và bị đơn đều xác định hơn một năm nay tình cảm, quan hệ vợ chồng không còn, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm, lo lắng chăm sóc đến ai. Bà H không đồng ý ly hôn nhưng bà cũng trình bày vợ chồng có rất nhiều mâu thuẫn, đồng thời bà cũng không đưa ra được giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng để xây dựng gia đình hạnh phúc. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở để xác định tình trạng hôn nhân của ông T và bà H đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc ông T yêu cầu ly hôn với và bà H là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] *Về con chung*: Quá trình chung sống ông T và bà H có 02 con chung tên Vũ Thị N1, sinh năm 1989 và Vũ Bá H1, sinh năm 1990. Ông T và bà H thống nhất xác định các con hiện đều đã trưởng thành có gia đình riêng. Do đó, ông T bà H không yêu cầu giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Chi phí tố tụng*: Bị đơn bà H phải chịu, khấu trừ hết vào tiền tạm ứng chi phí tố tụng đã đóng nên bà H đã nộp xong.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Nguyên đơn ông T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu chia tài sản chung của bà Vũ Thị H đối với: Phần đất có diện tích 48m<sup>2</sup> (đo thực tế hiện nay là 47,4m<sup>2</sup>, ký hiệu A), thuộc một phần thửa đất số 92, tờ bản đồ số A3.1 trên đất có căn nhà cấp loại 01 tầng trên đất và phần đất liền kề có diện tích 48m<sup>2</sup> (đo thực tế hiện nay là 47,5m<sup>2</sup>, ký hiệu B), thuộc một phần thửa đất số 92, tờ bản đồ số A3.1 trên đất có căn nhà tạm và 01 sân gạch đỏ, tọa lạc tại khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Bá T đối với bà Vũ Thị H về việc: Tranh chấp ly hôn;

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ Bá T được ly hôn với bà Vũ Thị H (Giấy chứng nhận kết hôn số 120 do Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa đăng ký ngày 28/7/1988).

1.2. Về con chung: Ông T và bà H có 02 con chung tên Vũ Thị N1, sinh năm 1989 và Vũ Bá H1, sinh năm 1990. Ông T và bà H thống nhất xác định các con hiện đều đã trưởng thành không tranh chấp, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Chi phí tố tụng: Bị đơn bà H phải chịu, khấu trừ hết vào tiền tạm ứng chi phí tố tụng đã đóng nên bà H đã nộp xong.

3. Về án phí: Ông Vũ Bá T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp theo biên lai thu số 0006097 ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Ông T đã nộp xong.

Trả lại cho bà H số tiền 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006229 ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- CCTHADS thành phố Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trần Hải Nam**

